TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa

2. Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:139/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Như Y**, sinh năm 1993. Nơi ĐKHK và cư trú: Xóm Đ, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thế N**, sinh năm 1992. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: khu 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Như Y trình bày: Chị và anh Trần Thế N kết hôn từ tháng 4/2014 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được

khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau về tính tình, không bảo ban nhau được cách làm ăn kinh tế cũng như sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ lẫn nhau. Một thời ngắn sau đó chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện T ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó không còn quan tâm gì đến nhau. Tháng 6/2016, anh N đi lao động ở Đài Loan và không liên lạc gì về cho chị, chị Y không biết hiện nay anh N đang cư trú tại địa chỉ cụ thể nào tại Đài Loan nên không cung cấp được địa chỉ chính xác cho Tòa án. Nay chị Y xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị Y xác định vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2019 và 24/5/2019, bà Lê Thị Minh là mẹ đẻ của anh N trình bày: Anh N và chị Y sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh N và chị Y là do anh N hay đi chơi về muộn từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi cọ lẫn nhau. Tháng 11/2014, chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình có sang tìm chị Y về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Y không quay về chung sống với anh N nữa. Quá trình chung sống thì anh N và chị Y chưa có con chung, tài sản chung, cũng như nợ chung. Đến tháng 6/2016, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh N thường xuyên gọi điện về cho gia đình, nhưng không nói rõ địa chỉ cư trú cụ thể tại Đài Loan. Khi chị Y làm đơn xin ly hôn anh N thì có về nhà nói chuyện cho bà biết và bà đã thông báo lại cho anh N. Quá trình Tòa án giải quyết đã giao các văn bản tố tụng cho anh N, bà nhận thay và đã thông tin lại toàn bộ nội dung cho anh N khi anh N liên lạc về. Tuy nhiên, anh N có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng với chị Y không còn nên nhất trí ly hôn. Còn về địa chỉ của anh N thì do anh N không cho bà biết nên không cung cấp cho Tòa án được.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Như Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trần Thế N.

Vị đại diện VKS nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của Nguyên đơn được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện

đúng quy định của BLTTDS. Vì vậy, KSV đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, VKS không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Phạm Thị Như Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Thế N là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị Y chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh N ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh N tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Minh là mẹ đẻ của anh N vẫn không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Tại các biên bản lấy lời khai của bà Minh thể hiện anh N đi lao động tại Đài Loan từ đầu năm 2016 vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Tuy nhiên, anh N không nói cho gia đình biết địa chỉ cụ thể tại Đài Loan. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã giao các văn bản tố tụng cho anh N, bà Minh đồng ý nhận và cam kết thông báo lại cho anh N biết. Mặt khác, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết 02 lần theo đúng quy định. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh N là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Như Y và anh Trần Thế Trường kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Phạm Thị Như Y thì thấy rằng: Sau khi kết hôn chị Y và anh N chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tình tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2014, anh N và gia đình có sang tìm đón chị Y về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Y không quay về chung sống với anh N. Từ tháng 6/2016, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan giữa hai bên không còn liên lạc gì với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y để xử cho chị Y được ly hôn anh Trần Thế N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, anh N không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung sau này nếu anh N có yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Như Y có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Như Y và anh Trần Thế N.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Như Y phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0007391 ngày 17/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Chị Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh Trần Thế N được quyền kháng cáo bản án

sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA Dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích